TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2024/DSST
Ngày: 29/11/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

* Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Lê Thị Gắn**

2. **Huỳnh Thị Phượng**

* Thư ký phiên tòa*:* **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 225/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2024/QĐST-DS ngày 21/11/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Dương Văn N, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Giản Thị Thu T, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Trần Thị Kim P, Là Luật sư Văn phòng L1 – Chi nhánh G thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn:

2.1/ Nguyễn Văn B, sinh năm: xxxx; (Vắng mặt)

2.2/ Phạm Thị Hồng H, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông N và vợ chồng chị H, anh B quen biết. Ngày 07/11/2023, ông N có cho vợ chồng chị H, anh B vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn 04 ngày lãi suất là 1,66%/tháng, thỏa thuận đến 11/11/2023 trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi, việc thỏa thuận vay vốn có lập thành biên bản và công chứng tại Văn phòng C. Quá trình thực hiện, anh B, chị H trả được tiền vốn là 500.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả khoản nào. Anh B, chị H còn nợ lại số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi. Ông N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh B, chị H chỉ hứa hẹn mà không trả được. Nay ông N khởi kiện yêu cầu anh B, chị H trả số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến khi xét xử xong đối với số tiền vốn vay còn nợ với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tạm tính đến ngày 29/11/2024 là 105.686.674 đồng. Tổng cộng là 605.686.674 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nhưng trong quá trình tố tụng anh B có lời khai sau: Vợ chồng anh B có mượn của ông N số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, có làm giấy tờ như ông N trình bày. Sau khi đáo hạn xong, vợ chồng anh B có trả cho ông N 850.000.000 đồng, còn nợ lại 150.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ trả tiền, có trả tiền lãi cũng không có biên nhận. Nay ông N khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi thì vợ chồng anh B không đồng ý. Vợ chồng anh B chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi của 150.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn chị Phạm Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nhưng trong quá trình tố tụng chị H có lời khai sau: Thống nhất quyết định của anh B, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Dương Văn N khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Hồng H, cùng ngụ tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang yêu cầu anh B, chị H trả số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi nên quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Hồng H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Việc vay mượn là sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông N với vợ chồng anh B, chị H có lập thành hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng C. Quá trình thực hiện, theo ông N trình bày vợ chồng anh B, chị H đã trả được 500.000.000 đồng tiền vốn vay không có lập thành biên bản, còn nợ lại 500.000.000 đồng tiền vốn và toàn bộ tiền lãi, nên ông N khởi kiện yêu cầu anh B chị H cùng có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền vốn là 500.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi từ ngày vay cho đến khi xét xử xong; Tuy nhiên theo anh B và chị H trình bày đã trả được cho ông N số tiền vốn vay là 850.000.000 đồng và tiền lãi, chỉ còn nợ lại số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi của 150.000.000 đồng, việc trả nợ này không có lập thành biên bản, không có sự thừa nhận của ông N, vợ chồng anh B chị H cũng không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh đã trả số tiền như anh B chị H trình bày nên không có cơ sở xem xét. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu anh B chị H có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng trên cơ sở hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng C là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Về tiền lãi: Ông N yêu cầu anh B và chị H trả tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến khi xét xử xong ngày 29/11/2024 với mức lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền vốn vay còn nợ với số tiền là 105.686.674 đồng. Anh B và chị H xin trả lãi đối với số tiền 150.000.000 đồng vì chỉ còn nợ tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng anh B chị H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh chỉ còn nợ 150.000.000 đồng tiền vốn như nêu trên nên anh B, chị H có nghĩa vụ trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Nghĩa L có cơ

sở chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2025 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Về thời gian trả tiền: Ông N yêu cầu anh B, chị H trả tiền vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Anh B, chị H xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông N đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh B, chị H đã vi phạm thời gian thanh toán nợ theo hợp đồng vay mà hai bên đã thỏa thuận và hơn nữa tại thời điểm xét xử ông N không đồng ý yêu cầu xin trả dần của anh B, chị H nên cần phải buộc anh B, chị H có nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi cho ông N khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên anh B và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 138, Điều 139, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

X***ử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Văn N số tiền vốn là 500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến khi xét xử xong ngày 29/11/2024 đối với số tiền còn nợ với số tiền là 105.686.674 đồng. Tổng cộng là 605.686.674 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Hồng H phải liên đới nộp 28.227.466 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.